

Số: 2321 /GPMT-UBND

Hung Yên, ngày 03 tháng 11 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Công ty TNHH Minh Hiếu - Hưng Yên số 0809-MH ngày 08/9/2023 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Báo cáo số 668/BC-STNMT ngày 01 tháng 11 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp giấy phép cho Công ty TNHH Minh Hiếu - Hưng Yên, địa chỉ: Xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy chế biến thức ăn gia súc” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: Nhà máy chế biến thức ăn gia súc.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

1.3. Giấy chứng nhận đầu tư số 05101000439, chứng nhận lần đầu ngày 2/8/2011, chứng nhận thay đổi lần 1 ngày 18/5/2012, chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 26/8/2013 của UBND tỉnh.

1.4. Mã số thuế: 0900220953.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, chế biến thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Phạm vi: Dự án được triển khai trên diện tích 16.551 m² trên địa bàn xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

- Loại hình dự án không thuộc danh mục loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường. Cơ sở có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

- Quy mô: Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất sản xuất:

+ Thức ăn cho thủy sản: 60.000 tấn/năm;

+ Thức ăn cho gia súc, gia cầm: 100.000 tấn/năm.

2. Nội dung cấp giấy phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Minh Hiếu - Hưng Yên có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả chất thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh Hưng Yên, Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến UBND tỉnh Hưng Yên, Sở Tài nguyên và Môi trường theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giấy phép có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thời hạn của giấy phép: 10 năm kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực.

Giấy phép môi trường thành phần, gồm: Giấy xác nhận số 04/GXN-STNMT ngày 15/3/2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường xác nhận hoàn thành công trình BVMT của dự án “Nhà máy chế biến thức ăn gia súc”; Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại, mã số QLCTNH: 33.000127.T, cấp ngày 18/8/2010 của Sở Tài nguyên và Môi trường; Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 2684/GP-UBND ngày 18/11/2020 hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./. *u*

Nơi nhận: *ngf*

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Văn Lâm;
- Công TTĐT tỉnh (*đăng tải công khai*);
- Trung tâm PVHCC và KSTTHC (*trả kết quả*);
- Công ty TNHH Minh Hiếu - Hưng Yên;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KT2^L.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Hùng Nam

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số *2321*/GPMT-UBND ngày *03* /11/2023 của UBND tỉnh Hưng Yên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Có 03 nguồn.
 - + Nguồn số 1: Phát sinh từ khu vực nhà điều hành;
 - + Nguồn số 2: Phát sinh từ khu vực nhà bếp, xưởng sản xuất;
 - + Nguồn số 3: Phát sinh từ khu vực rửa tay chân của công nhân.
- Nước thải sản xuất: Có 02 nguồn.
 - + Nguồn số 4: Phát sinh từ hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi được tuần hoàn, định kỳ 06 tháng/lần thuê đơn vị có chức năng đến hút bùn cặn và nước đi xử lý;
 - + Nguồn số 5: Phát sinh từ phòng thí nghiệm với khối lượng khoảng 30-40 lít/ngày hoạt động được thu gom vào bồn chứa bằng composite dung tích 2 m³ sau đó thuê đơn vị có chức năng đến hút đi xử lý như chất thải nguy hại.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Hệ thống thoát nước khu vực thuộc địa bàn thôn Bình Lương, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Điểm đầu nối với hệ thống thoát nước khu vực thuộc địa bàn thôn Bình Lương, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

- Tọa độ vị trí xả thải: X(m) = 2.320.738; Y(m) = 548.370 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 10 m³/ngày đêm.

+ Phương thức xả thải: Tự chảy.

+ Chế độ xả thải: Xả liên tục (24h).

+ Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 01:2019/HY – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải sinh hoạt (K = 1,2; K_{hy} = 0,85), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	pH	-	5-9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	30,6
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	51

4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	600
5	Sunfua (tính theo H_2S)	mg/l	1,2
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	6
7	Nitrat (NO_3^-) (tính theo N)	mg/l	36
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	12
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	6
10	Phosphat (PO_4^{3-}) (tính theo P)	mg/l	7,2
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	3.000

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà điều hành được thu gom, xử lý sơ bộ qua 01 bể tự hoại 3 ngăn có thể tích khoảng $10 m^3$ được thu gom bằng ống nhựa uPVC D90 với chiều dài khoảng 250m; ống nhựa uPVC D60 với chiều dài khoảng 35m dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu nhà bếp; phát sinh từ khu vực xưởng sản xuất được thu gom, xử lý sơ bộ qua 02 bể tự hoại 3 ngăn có tổng thể tích khoảng $20 m^3$ được thu gom bằng ống nhựa uPVC D110 với chiều dài khoảng 220m; ống nhựa uPVC D60 với chiều dài khoảng 35m dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.

Nước thải sinh hoạt sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 01:2019/HY - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải sinh hoạt ($K=1,2$; $K_{hy}=0,85$) thải ra nguồn tiếp nhận bằng đường ống PVC D40 với chiều dài khoảng 20m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất $10 m^3$ /ngày.đêm:

- Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể màng MBR → Thiết bị trao đổi ion → Bồn chứa nước sau xử lý → Nước thải sau xử lý đạt QCVN 01:2019/HY - Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải sinh hoạt ($K=1,2$; $K_{hy}=0,85$) thải ra môi trường.

- Công suất thiết kế: $10 m^3$ /ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: Javel.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không phải vận hành thử nghiệm do Công ty TNHH Minh Hiếu Hưng Yên đã đi vào hoạt động, đồng thời hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất $10 m^3$ /ngày đêm nêu tại Giấy phép môi trường này đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường thành phần.

3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt của dự án đảm bảo đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Thu gom, quản lý nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi; nước thải từ phòng thí nghiệm theo quy định trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý.

3.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi: Nước thải sinh hoạt xử lý đạt QCDP 01:2019/HY – Quy chuẩn kỹ thuật địa phương về nước thải sinh hoạt ($K=1,2$; $K_{hy}=0,85$) thải ra hệ thống thoát nước khu vực thuộc địa bàn thôn Bình Lương, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

3.4. Trường hợp xả thải vào công trình thủy lợi nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới chất lượng nước trong công trình thủy lợi, Công ty phải báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số *2321*/GPMT-UBND ngày *03* /11/2023 của UBND tỉnh Hưng Yên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải

Có 02 nguồn:

- Nguồn số 1: Bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi 6 tấn/giờ;
- Nguồn số 2: Bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi 2,5 tấn/giờ (dự phòng).

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

- Dòng số 1: Bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi 6 tấn/giờ

+ Vị trí xả khí thải: Tại ống phóng không sau hệ thống xử lý bụi, khí thải của lò hơi công suất 6 tấn/giờ;

+ Tọa độ vị trí xả thải: X(m): 2.320.739; Y(m): 548.375 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°);

+ Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 18.500 m³/giờ;

+ Phương thức xả bụi, khí thải: Cường bức.

- Dòng số 2: Bụi, khí thải phát sinh từ lò hơi 2,5 tấn/giờ

+ Vị trí xả khí thải: Tại ống phóng không sau hệ thống xử lý bụi, khí thải của lò hơi công suất 2,5 tấn/giờ;

+ Tọa độ vị trí xả thải: X(m): 2.320.761; Y(m): 548.386 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105°30', múi chiều 3°);

+ Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 7.500 m³/giờ;

+ Phương thức xả bụi, khí thải: Cường bức.

- Tổng lưu lượng xả khí thải lớn nhất của 2 nguồn: 26.000 m³/giờ.

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ (cột B; K_p= 0,9; K_v = 1,0), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép
1	Lưu lượng	m ³ /h	-
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	180
2	CO	mg/Nm ³	900
3	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	765
4	SO ₂	mg/Nm ³	450

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi khí thải

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của lò hơi được thu gom vào đường ống kín, lọc bụi Cyclone, quạt hút ly tâm, tổ hợp tháp xử lý bụi, khí thải (bể chứa nước tuần hoàn; lớp vật liệu đệm bằng sứ; giàn phun mưa), ống thoát khí trước khi thải ra môi trường.

- Ngoài ra, bụi phát sinh từ máy nghiền, trộn nguyên liệu, nạp liệu, ... được Công ty lắp đặt hệ thống thu hồi bụi đồng bộ cùng máy móc, thiết bị sản xuất của dự án thải ra nhà xưởng sản xuất.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

1.2.1. Hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi công suất 6 tấn hơi/giờ

- Quy trình công nghệ: Bụi, khí thải lò hơi → Thiết bị Cyclone → Quạt hút ly tâm → Tháp xử lý bụi và khí thải (Bể chứa nước tuần hoàn → Lớp vật liệu đệm bằng sứ → Giàn phun mưa) → Ống thoát khí → Khí thải đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ

- Công suất thiết kế: 18.500 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Nước sạch.

1.2.2. Hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi công suất 2,5 tấn hơi/giờ

- Quy trình công nghệ: Bụi, khí thải lò hơi → Thiết bị Cyclone → Quạt hút ly tâm → Tháp hấp thụ bằng nước vôi trong → Ống thoát khí → Khí thải đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và chất vô cơ

- Công suất thiết kế: 7.500 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Nước vôi.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Không phải vận hành thử nghiệm do Công ty TNHH Minh Hiếu Hưng Yên đã đi vào hoạt động, đồng thời hệ thống xử lý bụi, khí thải lò hơi 6 tấn/h và lò hơi 2,5 tấn/h nêu tại Giấy phép môi trường này đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường thành phần.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường. ✓

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2321/GPMT-UBND ngày 03/11/2023 của UBND tỉnh Hưng Yên)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Có 03 nguồn:
- + Nguồn số 1: Phát sinh từ khu vực vận chuyển, bốc dỡ nguyên vật liệu sản xuất và hàng hóa;
- + Nguồn số 2: Phát sinh từ khu vực máy phát điện dự phòng;
- + Nguồn số 3: Phát sinh từ khu vực hoạt động của máy nghiền, máy trộn, nạp liệu.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung

- Tại khu vực vận chuyển, bốc dỡ nguyên vật liệu sản xuất và hàng hóa;
- Tại khu vực máy phát điện dự phòng;
- Tại khu vực hoạt động của máy nghiền, máy trộn, nạp liệu sản xuất.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn: Lựa chọn các thiết bị tiên tiến, hiện đại, có độ ồn thấp; các thiết bị có cường độ âm lớn được trang bị bộ phận tiêu âm; trang bị cho công nhân thiết bị chống ồn khi làm việc tại các công đoạn có phát sinh tiếng ồn cao.

- Công trình, biện pháp giảm thiểu độ rung: Lựa chọn các thiết bị tiên tiến, hiện đại, có độ rung thấp; lắp đệm cao su và lò xo chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn; thường xuyên kiểm tra bảo trì, bảo dưỡng thiết bị, máy móc.

2. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại phần A Phụ lục này.
- Định kỳ bảo dưỡng máy móc, thiết bị để hạn chế tiếng ồn, độ rung. 

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 2321 /GPMT-UBND ngày 13 /11/2023
của UBND tỉnh Hưng Yên)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Số lượng trung bình (Kg/năm)	Mã chất thải
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	5,4	16 01 06
2	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	Rắn	12	08 02 04
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	65	18 02 01
4	Ắc quy, chì thải	Rắn	30,4	19 06 01
5	Bộ lọc dầu đã qua sử dụng	Rắn	15,6	15 02 02
6	Dầu thủy lực tổng hợp thải	Lỏng	106	17 01 06
7	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	106	17 02 03
8	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	Lỏng	72	17 06 01
9	Nước thải có các thành phần nguy hại (nước thải từ phòng thí nghiệm)	Lỏng	4.800	19 10 01
Tổng			5.212,4	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Thành phần	Đơn vị	Khối lượng (Kg/năm)
1	Nguyên liệu sản xuất bị hỏng, mốc, sản phẩm kém hỏng thải	Kg/năm	3.000

2	Bao bì thải	Kg/năm	10.000
3	Xi than, tro bụi	Kg/năm	30.000
4	Bùn cặn từ hệ thống xử lý khí thải lò hơi	Kg/năm	10.000
5	Thùng carton hỏng	Kg/năm	1.000
6	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt	Kg/năm	4.000
Tổng			58.000

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

Khoảng 11.232 Kg/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu giữ: Bố trí 09 thùng chuyên dụng bằng nhựa có nắp đậy dung tích 100 lít; 01 thùng bằng tôn có dung tích 500 lít.

- Khu vực lưu giữ:

+ 01 khu lưu giữ có diện tích 10 m²; kết cấu tường xây, sàn bê tông xi măng kín khít, không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; dán nhãn cảnh báo và trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

+ 01 bồn chứa nước thải từ phòng thí nghiệm dung tích 02 m³, sử dụng bồn bằng composite đặt ngay cạnh phòng thí nghiệm.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Thiết bị lưu giữ: Công ty sử dụng kệ panel, túi nilon.

- Khu vực lưu giữ: Bố trí khu lưu giữ có diện tích khoảng 15 m² trong xưởng sản xuất để lưu giữ toàn bộ sản phẩm hỏng, sản phẩm lỗi hỏng; khu vực lưu giữ tro, xỉ lò hơi có diện tích 20 m² có mái che; kết cấu tường xây, sàn bê tông xi măng kín khít, không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: Khu vực nhà ăn bố trí 05 thùng nhựa chuyên dụng có dung tích 1.000 lít.

- Khu vực lưu chứa: Diện tích 10 m²; kết cấu tường xây, sàn bê tông xi măng kín khít, không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Thực hiện các biện pháp phòng cháy, chữa cháy theo quy định về phòng cháy, chữa cháy;

- Các loại chất thải nguy hại được phân loại, để đúng vào các thùng chứa đã được dán tên, mã chất thải. Kho chứa rác thải có cửa ra vào để kiểm soát; dán biển tên, biển cảnh báo tại khu vực kho chứa rác thải. Định kỳ thuê đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải, tránh tình trạng để rác thải đầy kho, tràn ra ngoài./.
